

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 123 /2024/HSST
Ngày: 28-9- 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S-TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Kim Thành

Bà Dương Thị Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Phú Huy - Là thư ký Tòa án nhân dân quận S, Tp Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Tuấn Thanh Tứ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S, ĐN xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 110/2024/TLST- HS ngày 10 tháng 9 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2024/QĐXXST- HS ngày 12 tháng 9 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Đỗ Ngọc H; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 07/12/1994 tại: tỉnh Bình Thuận. HKTT: Tổ 05, thôn D H, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Nơi ở hiện tại: 46 đường V, phường N, quận S, Đà Nẵng. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do, Con ông: **Đỗ Văn B** (SN: 1968) và bà **Nguyễn Thị Thu H1** (SN: 1972) hiện đều sống, cùng trú tại: **thôn D xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận**. Gia đình bị cáo có hai anh em, bị cáo là con đầu trong gia đình. Bị cáo có vợ là **Nguyễn Thị Thùy H2** (đã ly hôn), có 03 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2020. Tiền án: Không; Tiền sự: không

Bị cáo bị bắt ngày 16/7/2024, hiện đang bị tạm giam Nhà tạm giữ **Công an quận S**. Có mặt tại phiên tòa.

2. Thạch V; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 30/9/1990 tại **Đà Nẵng**; HKTT: tổ G phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Công nhân làm đá; Con ông: **Thạch Huệ E** (sinh năm 1967) và bà **Nguyễn Thị T** (sinh năm 1968) hiện đều còn sống, cùng trú tại: **tổ G, phường T, quận S, Đà Nẵng**. Gia đình bị cáo có ba anh em, bị cáo là con đầu trong gia đình. Vợ: **Đặng Thị N** (sinh năm 1993), có 2 con, con lớn sinh năm 2014 và con nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt ngày 16/7/2024, hiện đang bị tạm giam Nhà tạm giữ Công an quận S. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông Trần Hoài N1, sinh năm 1984; Trú tại: Tổ A, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đỗ Võ Quang K, sinh năm 1997. Địa chỉ: F H, phường T, quận H, TP Đà Nẵng. Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của ông K: Bà Võ Thu H3, sinh năm 1973; Địa chỉ: F H, phường T, quận H, TP Đà Nẵng (theo giấy ủy quyền ngày 12/8/2024). Vắng mặt

2. Ông Trương Văn L, sinh năm 1983. Địa chỉ: Nhà A Chung cư P, tổ H phường H, quận C, TP Đà Nẵng. Vắng mặt

3. Lê Thị S, sinh năm 1985. Địa chỉ: D F đường V, tổ F phường N, quận S, TP Đà Nẵng. Có mặt

- Người làm chứng: Ông Lê Công Đ, sinh năm 1981; Địa chỉ: D M, Tổ A, phường T, quận H, TP Đà Nẵng. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 16/7/2024, Đỗ Ngọc H đi ngang qua cổng Âu thuyền T, đường V, quận S, thành phố Đà Nẵng thấy anh Trần Hoài N1 (SN: 1984; trú tại: phòng A khu C, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng) đang ngồi ăn với anh Lê Công Đ (SN: 1981; trú tại: F đường M, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng) tại quán L2 (trước nhà số B đường V, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng). Do nghĩ anh N1 là người trước đây đã lấy tiền của khách ăn uống tại quán nhậu của bạn gái H nên H điều khiển xe mô tô hiệu Nouvo SX màu đen mang BKS 43C1-621.17 đến xưởng đá B1 (ở khu vực Âu thuyền T) rủ Thạch V đi cùng (lúc này H chưa nói với V đi làm gì). H nói V cầm theo 02 móc đá (loại móc bằng kim loại dùng để làm đá) thì V đồng ý. H điều khiển xe mô tô 43C1-621.17 chở theo V đến quán L2. Trong lúc đi trên xe, H kể cho V nghe trước đây N1 đã lấy tiền của khách H nên nhờ V đi cùng để đòi lại tiền. Khi đến quán L1, V đưa 01 móc đá cho H cầm còn V đi vào quán. Thấy V đi đến thì anh N1 đứng dậy, ngay sau đó V dùng tay trái vòng từ sau ra trước kẹp cổ giữ anh N1 lại, tay phải cầm móc đá hướng xuống dưới đất. Lúc này, H tay phải cầm móc đá đi đến chia về hướng của anh N1 và nói “sao mày lấy tiền của em tao, trả lại tiền cho em tao” thì anh N1 mới trả lời “tui không có, có gì từ từ nói” rồi anh N1 rút ví tiền từ trong túi quần ra nói “tui không có tiền”. Lúc này, H thấy điện thoại hiệu Oppo của anh N1 để trên bàn nên dùng tay lấy, thấy vậy anh N1 mới giật điện thoại lại thì H

giật lại điện thoại từ tay anh **N1** rồi nói **V** đi về. Anh **N1** chạy theo xin lại điện thoại thì **H** nói “mang tiền đến cho tao rồi lấy điện thoại lại” rồi cùng **V** bỏ đi. Đến 09 giờ cùng ngày, anh **N1** đến **Công an phường T** trình báo vụ việc.

Tang vật thu giữ:

- 02 chiếc móc bằng kim loại hình chữ T, lưỡi câu có đầu nhọn thu của **Thạch V**; **Đỗ Ngọc H** và **V** dùng làm công cụ thực hiện hành vi cướp tài sản;
- 01 điện thoại di động hiệu OPPO A53 màu xanh ngọc số imei: 861438053238952 do **Đỗ Ngọc H** giao nộp;
- 01 xe mô tô hiệu Nouvo SX màu đen mang BKS 43C1-621.17, số khung: RLCSE9210GY092752, số máy: E3R7E092757 do **Đỗ Ngọc H** giao nộp, **H** sử dụng xe làm phương tiện chở **V** đi cướp tài sản;
- 03 đĩa DVD màu vàng lưu trữ dữ liệu ghi âm, ghi hình lấy lời khai của **Đỗ Ngọc H**, **Thạch V** vào ngày 16/7/2024 và anh **Trần Hoài N1** vào ngày 09/8/2024.

Kiểm tra tại hiện trường vào lúc 09 giờ 30 ngày 16/7/2024 ghi nhận: Tại hiện trường không có camera ghi hình.

Kiểm tra dấu vết trên thân thể của anh **Trần Hoài N1** vào ngày 16/7/2024 ghi nhận: 01 vết xước da 01cm tại bụng phải. Anh **N1** không có yêu cầu gì về vết thương này.

Tại Kết luận định giá số 40/KL-HĐĐGTS ngày 14/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xác định: 01 điện thoại di động hiệu OPPO A53 màu xanh, **số I:** 861438053238952 trị giá 1.700.000 đồng.

Về bồi thường dân sự: Ngày 23/8/2024, gia đình **Đỗ Ngọc H** và **Thạch V** đã bồi thường cho anh **Trần Hoài N1** 1.000.000 đồng. Anh **N1** có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho **H** và **V**.

Tại bản Cáo trạng số: 107/2024/CT- VKS-ST ngày 10/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng đã truy tố các bị cáo **Đỗ Ngọc H**, **Thạch V** về tội “*Cướp tài sản*” theo điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố nhà nước phát biểu giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố các bị cáo và căn cứ vào tính chất, hành vi thực hiện tội phạm, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ đề nghị HĐXX tuyên bố các bị cáo **Đỗ Ngọc H**, **Thạch V** phạm tội “*Cướp tài sản*” đề nghị:

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, điều 38, điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt **Đỗ Ngọc H** từ 5 năm đến 5 năm 6 tháng tù.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, điều 38, điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt **Thạch V** từ 4 năm tù đến 4 năm 6 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử:

Tịch thu tiêu hủy 02 chiếc móc bằng kim loại hình chữ T, lưỡi câu có đầu nhọn của Thạch Vũ

Tuyên trả lại 01 xe mô tô hiệu Nouvo SX màu đen mang BKS 43C1-621.17, số khung: RLCSE9210GY092752, số máy: E3R7E092757 cho chị **Lê Thị S**

Vật chứng hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S theo biên bản ngày 16/9/2024.

- Tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án: 03 đĩa DVD màu vàng lưu trữ dữ liệu ghi âm, ghi hình lấy lời khai của **Đỗ Ngọc H**, **Thạch V** vào ngày 16/7/2024 và anh **Trần Hoài N1** vào ngày 09/8/2024.

Bị cáo **Đỗ Ngọc H**, **Thạch V** thừa nhận hành vi phạm tội của mình là Cướp tài sản theo điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự và không có ý kiến tranh luận gì.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo nhận thức hành vi của mình và rất ân hận. Các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt để về chăm sóc các con và cải tạo thật tốt, hứa sẽ không tái phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an quận S**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tranh tụng tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận: Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 16/7/2024, tại quán L2 (trước nhà số B V, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng), **Đỗ Ngọc H** và **Thạch V** đã có hành vi dùng tay kẹp cổ và dùng móc đá bằng kim loại không chế anh **Trần Hoài N1** để chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu OPPO A53 trị giá 1.700.000 đồng. Hành vi của bị cáo **H**, **V** đủ yếu tố cấu thành tội Cướp tài sản theo tình tiết định khung “*sử dụng vũ khí nguy hiểm, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác*” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự. Do đó cáo trạng số 107/CT-VKS ngày 10/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà đã truy tố là có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án và hành vi phạm tội thì thấy: Quyền sở hữu về tài sản của công dân là bất khả xâm phạm cần phải được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo nhận thức được điều đó, nhưng do xem thường pháp luật đã dùng vũ lực, vũ khí tấn công, đe dọa và cướp tài sản của người khác. Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân đây là một trong những khách thể quan trọng luôn được pháp luật bảo vệ mà còn gây tâm lý lo lắng trong quần chúng nhân dân, gây mất

ổn định trật tự trị an xã hội tại địa phương. Do đó, cần phải xử lý bị cáo thật nghiêm khắc mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Xét vai trò từng bị cáo; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy:

Trong vụ án này các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ từ trước mà chỉ nảy sinh ý định tức thời nên chỉ là đồng phạm mang tính giản đơn. Bị cáo **Đỗ Ngọc H** với vai trò chính là người khởi sự, rủ **V** đi tìm anh **N1** đòi tiền; nói **V** cầm theo hung khí; điều khiển xe mô tô chở **V** đi; lấy điện thoại của anh **N1**. Bị cáo **V** tham gia với vai trò đồng phạm, là người giúp sức cho **H**; mang theo hung khí; dùng tay kẹp cổ không chế để **H** lấy điện thoại của anh **N1**. Do đó mức án dành cho bị cáo **H** phải cao hơn bị cáo **V** mới phù hợp

Tình tiết tăng nặng: cả hai bị cáo không có tình tiết tăng nặng

Tình tiết giảm nhẹ: Cả hai bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự đều có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi đã gây ra nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Hai bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho người bị hại 1.000.000 đồng; bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, cả hai bị cáo hiện nay đều đang nuôi con nhỏ, bị cáo **H** đã ly hôn vợ hiện nuôi 3 con, còn bị cáo **V** đang nuôi 2 con nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, b khoản 1 khoản 2 Điều 51 BLHS cho các bị cáo. Riêng bị cáo **V** có bà nội là bà **Đoàn Thị T2** tham gia cách mạng được tặng thưởng Kỷ niệm chương và có thời gian nhập ngũ tại E83 Hải Quân nên HĐXX áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 BLHS cho **V**.

Xét các bị cáo đều có 2 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 điều 51 BLHS nên HĐXX thấy cần áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng cũng đủ sức răn đe và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử không xem xét áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền đối với hai bị cáo

[6] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Người bị hại đã được bồi thường 1.000.000 đồng, không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[7] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên

- Tịch thu tiêu hủy 02 chiếc móc bằng kim loại hình chữ T, lưỡi câu có đầu nhọn của **Đỗ Ngọc H**.

- Tuyên trả lại 01 xe mô tô hiệu Nouvo SX màu đen mang BKS 43C1-621.17, số khung: RLCSE9210GY092752, số máy: E3R7E092757 cho bà **Lê Thị S**.

Vật chứng hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S theo biên bản ngày 16/9/2024.

- Tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án: 03 đĩa DVD màu vàng lưu trữ dữ liệu ghi âm, ghi hình lấy lời khai của **Đỗ Ngọc H**, **Thạch V** vào ngày 16/7/2024 và anh **Trần Hoài N1** vào ngày 09/8/2024.

[8] Đối với 01 chiếc điện thoại di động hiệu OPPO A53 màu xanh ngọc của bị hại **Trần Hoài N1** đã được Cơ quan CSĐT **Công an quận S** ra quyết định xử lý vật chứng số 821/20.8.2024 là có cơ sở nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[9] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà về áp dụng điều luật, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như phần xử lý vật chứng phù hợp nên HĐXX chấp nhận.

[10] Án phí HSST: mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

I. Tuyên bố: Các bị cáo **Đỗ Ngọc H**, **Thạch V** phạm tội "*Cướp tài sản*"

1/ Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38, điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo **Đỗ Ngọc H** **5 (năm)** tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt giam 16/7/2024.

2/ Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, điều 38, điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo **Thạch V** **4 (bốn)** năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt giam 16/7/2024.

II/Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy 02 chiếc móc bằng kim loại hình chữ T, lưỡi câu có đầu nhọn của **Thạch V**

- **T1** trả lại 01 xe mô tô hiệu Nouvo SX màu đen mang BKS 43C1-621.17, số khung: RLCSE9210GY092752, số máy: E3R7E092757 cho bà **Lê Thị S**

Vật chứng hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà theo biên bản ngày 16/9/2024

3/Án phí HSST: Căn cứ Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí HSST: các bị cáo **Đỗ Ngọc H**, **Thạch V** mỗi người phải chịu 200.000 đồng.

Báo cho bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND q. S, Tp Đà Nẵng;
- VKSND Thành phố Đà Nẵng;
- Chi cục THADS q. S, Tp Đà Nẵng;
- Công an quận S, Tp Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hạnh

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng;
- VKSND Tp Đà Nẵng;
- Chi cục THADS q. Sơn Trà, Tp Đà Nẵng;
- Công an quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hạnh

